

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 47

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 18 được cấp ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (“CNTT”);
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và một chi nhánh tại Tòa A – Lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên
Ông Lê Việt Hà	Thành viên
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên
Ông Lee Jay Seok	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Tuệ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2022
Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (*)
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó chủ tịch điều hành tập đoàn (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2023)
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Quản trị
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Tài chính

(*) Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và các công ty con.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Điều hành Tập đoàn và Ông Hồ Thanh Tùng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 đề ngày 29 tháng 6 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Điều hành:



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 29 tháng 6 năm 2023

Số tham chiếu: 61376291/66816250

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”), được lập ngày 29 tháng 6 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1

Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2023

12-
3 T
HH
: Y
NA
HÁ
NỘI
1-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		742.738.499.288	803.195.713.259
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	46.558.963.158	61.433.669.139
111	1. Tiền		6.558.963.158	25.262.521.049
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	36.171.148.090
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		386.000.000.000	429.513.076.626
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	386.000.000.000	429.513.076.626
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		307.215.706.080	293.366.950.823
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	17.310.836.286	14.477.630.597
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	2.324.049.071	17.094.533.591
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	33.869.000.000	32.776.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	265.279.019.121	240.585.985.033
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(11.567.198.398)	(11.567.198.398)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.963.830.050	18.882.016.671
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.173.742.502	810.587.358
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.790.087.548	17.208.754.488
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	862.674.825
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.066.977.934.424	1.896.399.793.945
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		104.075.900.000	141.867.370.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	32	99.075.900.000	136.867.370.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	5.000.000.000	5.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		684.118.420.894	202.480.294.807
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	679.492.285.405	197.216.273.280
222	Nguyên giá		899.594.483.967	379.834.799.535
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(220.102.198.562)	(182.618.526.255)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.626.135.489	5.264.021.527
228	Nguyên giá		26.554.473.204	26.115.153.204
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.928.337.715)	(20.851.131.677)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		143.617.722.294	665.417.573.391
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	143.617.722.294	665.417.573.391
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.053.567.720.593	878.522.958.534
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.109.008.776.974	930.527.522.316
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		7.258.356.000	7.258.356.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(62.699.412.381)	(59.262.919.782)
260	V. Tài sản dài hạn khác		81.598.170.643	8.111.597.213
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	81.598.170.643	8.111.597.213
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.809.716.433.712	2.699.595.507.204

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		748.667.468.927	833.077.996.477
310	I. Nợ ngắn hạn		590.400.444.759	421.303.873.899
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	125.255.702.714	128.658.186.961
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	204.031.450	236.244.155
314	3. Phải trả người lao động		2.556.915.940	2.401.761.239
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	17.004.772.352	19.205.028.174
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	5.243.942.758	5.498.699.705
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	18.994.545.611	63.158.893.136
320	7. Vay ngắn hạn	21	418.369.157.484	198.247.981.276
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	2.771.376.450	3.897.079.253
330	II. Nợ dài hạn		158.267.024.168	411.774.122.578
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	20.156.827.588	7.150.799.250
338	2. Vay dài hạn	21	135.705.388.486	400.558.286.244
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	1.560.253.455	1.415.262.605
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23	844.554.639	2.649.774.479
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.061.048.964.785	1.866.517.510.727
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	2.061.048.964.785	1.866.517.510.727
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.505.960.320.000	1.089.988.830.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.505.960.320.000	1.089.988.830.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.216.950.400	599.555.780.400
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		223.871.694.385	176.972.900.327
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.603.737.946	9.148.548.480
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		218.267.956.439	167.824.351.847
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.809.716.433.712	2.699.595.507.204

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn



Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Nguyễn Trung Chính

Ngày 29 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.1	221.855.552.594	129.948.082.972
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	26.1	221.855.552.594	129.948.082.972
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	27	96.683.826.859	68.933.558.239
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		125.171.725.735	61.014.524.733
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	251.564.068.591	224.141.948.481
22	7. Chi phí tài chính	28	95.464.974.145	48.707.692.615
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		39.137.423.099	19.841.961.706
25	8. Chi phí bán hàng		158.372.662	82.495.564
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	63.440.429.685	69.307.126.771
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		217.672.017.834	167.059.158.264
31	11. Thu nhập khác		1.654.083.223	996.795.761
32	12. Chi phí khác		37.269.087	289.598.518
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		1.616.814.136	707.197.243
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		219.288.831.970	167.766.355.507
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	875.884.681	-
52	16. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	31.3	144.990.850	(57.996.340)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		218.267.956.439	167.824.351.847

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn



Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Nguyễn Trung Chính

Ngày 29 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		219.288.831.970	167.766.355.507
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và phân bổ tiền sử dụng đất	10,11	40.616.086.791	10.772.807.219
03	Các khoản trích lập dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		56.140.884.374	25.949.081.258
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	14.972.256
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	28	(251.564.068.591)	(224.852.488.822)
			39.324.089.771	20.028.628.378
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		103.805.824.315	(320.644.204)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		43.728.133.606	(48.006.832.682)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(7.310.400.261)	98.687.435.450
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(363.155.144)	925.175.608
14	Tiền lãi vay đã trả		(34.350.640.308)	(17.234.930.265)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(862.674.825)	(3.414.064.386)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(32.613.425.024)	(21.887.967.404)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		72.033.662.359	8.748.172.117
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(151.865.868.719)	(222.861.476.913)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(649.068.680.066)	(483.313.076.626)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		691.488.756.692	789.564.733.859
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(27.619.995.108)	(198.774.692.004)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		98.291.731.943	64.744.233.874
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(38.774.055.258)	(50.640.277.810)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.946.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		459.534.058.663	577.037.017.950
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(513.428.802.745)	(506.380.171.273)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(185.569.000)	(336.026.205)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(48.134.313.082)	70.320.820.472
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(14.874.705.981)	28.428.714.779
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		61.433.669.139	33.004.954.360
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	46.558.963.158	61.433.669.139



Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương



Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn



Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Nguyễn Trung Chính

Ngày 29 tháng 6 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 18 được cấp ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (“CNTT”);
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và một chi nhánh tại Tòa A – Lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 là 107 (ngày 31 tháng 3 năm 2022: 114).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty có 15 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn (i)	Hồ Chí Minh	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (iii)	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Hà Nội	Sản xuất, lắp ráp phân phối máy tính	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	51%	51%
Công ty TNHH CMC Blue France (ii)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC (i)	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an toàn an ninh thông tin	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (i)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương (i)	Singapore	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cung cấp linh kiện điện tử	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education	Hà Nội	Đào tạo đại học	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC (i)	Hà Nội	Đào tạo đại học	72,53%	72,53%
Trường Đại học CMC (i)	Hà Nội	Đào tạo đại học	66%	91%

- (i) Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC, Công ty TNHH CMC Global và Công ty TNHH CMC Education.
- (ii) Các công ty này đã tạm dừng hoạt động.
- (iii) Tỷ lệ lợi ích 54,63% bao gồm phần sở hữu gián tiếp thông qua Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC với tỷ lệ 9,1%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 vào ngày 29 tháng 6 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn của hợp đồng thuê. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	39 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban quản lý khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm về giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

NS
VI
CH
t
V/K

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Thông tư 05/2022/TT-BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2022. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tiền cho thuê

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn phần vốn hoặc cổ phần chuyển nhượng; và được ghi nhận vào ngày hoàn thành giao dịch chuyển nhượng.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	2.513.694.869	997.737.241
Tiền gửi ngân hàng	4.045.268.289	24.264.783.808
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	36.171.148.090
TỔNG CỘNG	46.558.963.158	61.433.669.139

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 bao gồm khoản chứng chỉ tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT với kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 7,7%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2022: 7%/năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại và chứng chỉ tiền gửi tại các công ty tài chính với kỳ hạn gốc từ 9 đến 13 tháng, hưởng lãi suất từ 7,1%/năm đến 13,1%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2022: từ 4,9%/năm đến 8%/năm).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng	1.309.355.389	1.458.486.015
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	16.001.480.897	13.019.144.582
TỔNG CỘNG	17.310.836.286	14.477.630.597
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (<i>Thuyết minh số 6.3</i>)	(938.064.932)	(938.064.932)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán	2.324.049.071	5.215.949.012
Trả trước cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	-	11.878.584.579
TỔNG CỘNG	2.324.049.071	17.094.533.591
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (<i>Thuyết minh số 6.3</i>)	(164.759.188)	(164.759.188)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.567.198.398	14.282.209.121
Hoàn nhập trong năm	-	(2.715.010.723)
Số cuối năm	11.567.198.398	11.567.198.398
<i>Trong đó:</i>		
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)	938.064.932	938.064.932
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)	164.759.188	164.759.188
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)	10.464.374.278	10.464.374.278

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 32)	33.869.000.000	32.776.000.000
TỔNG CỘNG	33.869.000.000	32.776.000.000

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần CMC Consulting	7.100.000.000	Gốc và lãi cho vay được hoàn trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2023.	8%/năm	Toàn bộ giá trị hàng hóa và các khoản phải thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh.
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	15.519.000.000	Gốc và lãi cho vay được hoàn trả tại ngày đáo hạn khoản vay với khoản trả nợ cuối cùng đáo hạn vào ngày 25 tháng 11 năm 2023.	8%/năm	Tin chấp.
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	11.250.000.000	Gốc và lãi cho vay được hoàn trả tại ngày đáo hạn khoản vay với khoản trả nợ cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 10 năm 2023.	8%/năm	Toàn bộ giá trị hàng hóa và các khoản phải thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh của bên đi vay.
TỔNG CỘNG	33.869.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	163.275.323.545	-	122.921.904.841	-
Lãi dự thu	11.843.769.842	-	24.417.028.560	-
Các khoản chi hộ	11.602.710.802	(6.250.054.278)	10.643.031.412	(6.250.054.278)
Tạm ứng cho nhân viên	17.435.913.901	-	20.341.039.754	-
Phải thu về đặt cọc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng (i)	55.739.880.900	-	55.739.880.900	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	1.881.420.131	(714.320.000)	3.023.099.566	(714.320.000)
TỔNG CỘNG	265.279.019.121	(10.464.374.278)	240.585.985.033	(10.464.374.278)
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	176.282.967.489	(6.250.054.278)	138.237.239.936	(6.250.054.278)
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên thứ ba</i>	88.996.051.632	(4.214.320.000)	102.348.745.097	(4.214.320.000)
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-

(i) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty TNHH Phát triển THT để nhận chuyển nhượng dự án thành phần tại lô đất B2CC3 có tổng diện tích là 11.341 m² tại Dự án Khu Trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây (Starlake) theo hợp đồng đặt cọc được ký giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển THT.

9. NỢ XẤU

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty TNHH CMC				
Blue France	6.250.054.278	-	6.250.054.278	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Geleximco	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	1.817.144.120	-	1.817.144.120	-
TỔNG CỘNG	11.567.198.398	-	11.567.198.398	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	205.829.862.300	164.061.449.877	6.277.280.000	3.666.207.358	379.834.799.535
- Mua trong năm	-	-	165.000.000	30.000.000	195.000.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	353.439.400.048	166.125.284.384	-	-	519.564.684.432
Số cuối năm	559.269.262.348	330.186.734.261	6.442.280.000	3.696.207.358	899.594.483.967
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	84.433.520.554	-	3.696.207.358	88.129.727.912
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	49.008.090.521	127.458.918.830	2.498.448.872	3.653.068.032	182.618.526.255
- Khấu hao trong năm	19.571.932.924	17.131.938.737	736.661.320	43.139.326	37.483.672.307
Số cuối năm	68.580.023.445	144.590.857.567	3.235.110.192	3.696.207.358	220.102.198.562
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	156.821.771.779	36.602.531.047	3.778.831.128	13.139.326	197.216.273.280
Số cuối năm	490.689.238.903	185.595.876.694	3.207.169.808	-	679.492.285.405
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp	476.231.235.629	161.643.974.882	-	-	637.875.210.511

Công ty đã sử dụng phần lớn diện tích nhà cửa, vật kiến trúc là Tòa nhà CMC, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội và Tòa nhà "Không gian sáng tạo" tại số Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu Chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh làm văn phòng cho các công ty con, công ty liên kết trong Tập đoàn sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	195.615.549	25.718.189.474	201.348.181	26.115.153.204
- Mua trong năm	-	439.320.000	-	439.320.000
Số cuối năm	195.615.549	26.157.509.474	201.348.181	26.554.473.204
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	195.615.549	18.297.043.517	201.348.181	18.657.937.247
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	192.562.437	20.470.497.198	188.072.042	20.851.131.677
- Hao mòn trong năm	3.053.112	1.060.876.787	13.276.139	1.077.206.038
Số cuối năm	195.615.549	21.531.373.985	201.348.181	21.928.337.715
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	3.053.112	5.247.692.276	13.276.139	5.264.021.527
Số cuối năm	-	4.626.135.489	-	4.626.135.489

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án "Không gian sáng tạo CMC" (*)	142.270.511.094	665.417.573.391
Phần mềm SAP Finance (giai đoạn 2)	1.347.211.200	-
TỔNG CỘNG	143.617.722.294	665.417.573.391

(*) Đây là một phần dự án xây dựng tòa nhà văn phòng của Công ty tại khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản sẽ được hình thành từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

13. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay thuần với giá trị là 4,3 tỷ VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022: 20,8 tỷ VND) cho Dự án "Không gian sáng tạo CMC".

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con	1.109.008.776.974	(62.699.412.381)	1.046.309.364.593	930.527.522.316	871.264.602.534
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC (i)	310.000.000.000	-	310.000.000.000	270.000.000.000	270.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (i)	284.223.784.352	-	284.223.784.352	123.362.524.802	123.362.524.802
Công ty TNHH CMC Global (i)	170.000.000.000	-	170.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC (ii)	-	-	-	100.000.000.000	49.050.118.755
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	10.300.105.507	(10.300.105.507)	-	10.300.105.507	10.300.105.507
Công ty Cổ phần CMC Consulting	10.230.983.260	(10.230.983.260)	-	10.230.983.260	10.230.983.260
Công ty TNHH CMC Blue France	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	5.364.536.000	-
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	100.000.000.000	(2.948.502.537)	97.051.497.463	100.000.000.000	97.051.497.463
Công ty TNHH CMC Education (i)	213.889.367.855	(33.855.285.077)	180.034.082.778	176.269.372.747	176.269.372.747
Đầu tư vào công ty liên kết	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	7.258.356.000
Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	7.258.356.000
TỔNG CỘNG	1.116.267.132.974	(62.699.412.381)	1.053.567.720.593	937.785.878.316	878.522.958.534

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

(i) Căn cứ theo Nghị Quyết số 22/2022/HQ-HĐQT ngày 9 tháng 9 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt về việc tăng vốn điều lệ cho các công ty thành viên để đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh và tái đầu tư. Trong năm, Công ty đã góp vốn bổ sung tại các đơn vị này thông qua hình thức góp vốn bằng tiền và cân trừ công nợ.

(ii) Căn cứ theo Nghị Quyết số 44/2019/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 9 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc giải thể Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC ("Công ty P&T"), và các thủ tục giải thể Công ty P&T đã được hoàn thành vào ngày 29 tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	54,63%	54,63%	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Consulting	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH CMC Blue France	100%	100%	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education	100%	100%	100%	100%

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Netnam, một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ mạng internet. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty nắm giữ 41,1% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty liên kết này.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất trả trước	79.790.522.311	7.304.889.261
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.025.953.817	238.713.660
Chi phí trả trước dài hạn khác	781.694.515	567.994.292
TỔNG CỘNG	81.598.170.643	8.111.597.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán khác	97.211.427.021	97.211.427.021	88.977.182.321	88.986.400.321
- Công ty Cổ phần Xây dựng Central	61.943.004.976	61.943.004.976	57.147.554.607	57.147.554.607
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quân Đạt	5.521.368.860	5.521.368.860	11.795.633.973	11.795.633.973
- Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất	21.589.443.925	21.589.443.925	10.554.167.618	10.554.167.618
- Công ty TNHH Schindler Việt Nam	2.078.532.000	2.078.532.000	3.446.028.000	3.446.028.000
- Các nhà cung cấp khác	6.079.077.260	6.079.077.260	6.033.798.123	6.043.016.123
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	28.044.275.693	28.044.275.693	39.681.004.640	39.671.786.640
TỔNG CỘNG	125.255.702.714	125.255.702.714	128.658.186.961	128.658.186.961

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp/cán trừ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	21.663.447.847	(21.663.447.847)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	875.884.681	(862.674.825)	13.209.856
Thuế thu nhập cá nhân	236.244.155	3.380.950.089	(3.426.372.650)	190.821.594
TỔNG CỘNG	236.244.155	25.920.282.617	(25.952.495.322)	204.031.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng, sửa chữa	9.927.618.088	12.498.550.880
Lãi vay phải trả	4.954.879.718	2.685.788.673
Chi phí dịch vụ	1.212.075.637	3.434.261.590
Chi phí thuê đất	418.715.250	175.860.405
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	243.000.000	243.000.000
Chi phí khác	248.483.659	167.566.626
TỔNG CỘNG	<u>17.004.772.352</u>	<u>19.205.028.174</u>

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn bao gồm các khoản tiền thuê văn phòng nhận trước từ các khách hàng là bên thứ ba.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Vốn góp tạm hoàn trả từ công ty con	-	45.081.450.398
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.212.536.118	10.621.356.418
Phải trả tiền lãi vay	5.860.413.213	3.156.054.795
Cổ tức phải trả	1.711.795.715	1.937.031.110
Kinh phí công đoàn	501.169.604	375.124.324
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.708.630.961	1.987.876.091
TỔNG CỘNG	<u>18.994.545.611</u>	<u>63.158.893.136</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20.156.827.588	7.150.799.250
TỔNG CỘNG	<u>20.156.827.588</u>	<u>7.150.799.250</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>5.877.413.213</i>	<i>48.498.812.193</i>
<i>Phải trả dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>18.691.213.036</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả khác từ bên thứ ba</i>	<i>14.582.746.950</i>	<i>21.810.880.193</i>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn							
Vay thấu chi ngân hàng	39.243.298.525	39.243.298.525	403.734.924.080	(442.978.222.605)	-	-	
Vay đối tượng khác (i)	54.358.289.751	54.358.289.751	17.397.909.037	(10.702.866.848)	61.053.331.940	61.053.331.940	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (ii)	7.646.393.000	7.646.393.000	16.249.415.528	(7.646.393.000)	16.249.415.528	16.249.415.528	
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (iii)	-	-	279.440.000.016	(30.000.000.000)	249.440.000.016	249.440.000.016	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 32) (iv)	97.000.000.000	97.000.000.000	-	(5.373.590.000)	91.626.410.000	91.626.410.000	
TỔNG CỘNG	198.247.981.276	198.247.981.276	716.822.248.661	(496.701.072.453)	418.369.157.484	418.369.157.484	
Dài hạn							
Vay ngân hàng (i)	121.678.286.232	121.678.286.232	38.401.225.546	(24.374.123.292)	135.705.388.486	135.705.388.486	
Trái phiếu phát hành (iii)	278.880.000.012	278.880.000.012	560.000.004	(279.440.000.016)	-	-	
TỔNG CỘNG	400.558.286.244	400.558.286.244	38.961.225.550	(303.814.123.308)	135.705.388.486	135.705.388.486	

- (i) Đây là các khoản vay từ một số cá nhân với thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày giải ngân với khoản vay cuối cùng vào ngày 12 tháng 1 năm 2024. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này từ 7% đến 8%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân.
- (ii) Đây là khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank với lãi suất năm đầu tiên là 8%/năm và lãi suất từ năm thứ hai bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam dành cho cá nhân kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của ngân hàng công với biên độ lãi suất là từ 2,6% đến 3%/năm. Công ty đã sử dụng toàn bộ gửi tiết kiệm trả sau cho cá nhân thông thường bằng đồng Việt Nam, với kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại Việt Nam. Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với Tòa nhà CMC Tower và các quyền sở hữu, lợi ích phát sinh đối với phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH CMC Global, Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC, và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC để đảm bảo cho khoản trái phiếu này. Gốc trái phiếu sẽ được chi trả toàn bộ tại thời điểm trái phiếu đáo hạn, lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.
- (iii) Đây là khoản trái phiếu được Công ty phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV với kỳ hạn là 5 năm và chịu lãi suất cố định là 8,8%/năm áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên. Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm trả sau cho cá nhân thông thường bằng đồng Việt Nam, với kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại Việt Nam. Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với Tòa nhà CMC Tower và các quyền sở hữu, lợi ích phát sinh đối với phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH CMC Global, Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC, và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC để đảm bảo cho khoản trái phiếu này. Gốc trái phiếu sẽ được chi trả toàn bộ tại thời điểm trái phiếu đáo hạn, lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.
- (iv) Bao gồm hai khoản vay tín chấp từ Công ty TNHH CMC Đà Nẵng, một công ty con của Công ty, có kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 26 tháng 3 năm 2024 và chịu lãi suất là 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	3.897.079.253	8.788.379.253
Trích lập quỹ trong năm	12.900.067.196	-
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(14.025.769.999)</u>	<u>(4.891.300.000)</u>
Số dư cuối năm	<u>2.771.376.450</u>	<u>3.897.079.253</u>

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	2.649.774.479	19.285.578.533
Trích lập quỹ trong năm (<i>Thuyết minh số 24</i>)	16.782.435.185	-
Cấp quỹ cho Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	-	360.863.350
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(18.587.655.025)</u>	<u>(16.996.667.404)</u>
Số dư cuối năm	<u>844.554.639</u>	<u>2.649.774.479</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước				Tổng cộng
Số đầu năm	999.998.660.000	599.555.780.400	99.138.718.480	1.698.693.158.880
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	167.824.351.847	167.824.351.847
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	89.990.170.000	-	(89.990.170.000)	-
Số cuối năm	1.089.988.830.000	599.555.780.400	176.972.900.327	1.866.517.510.727
Năm nay				
Số đầu năm	1.089.988.830.000	599.555.780.400	176.972.900.327	1.866.517.510.727
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	218.267.956.439	218.267.956.439
- Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(12.900.067.196)	(12.900.067.196)
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (i)	-	-	(16.782.435.185)	(16.782.435.185)
- Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần (i)	268.338.830.000	(268.338.830.000)	-	-
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty (ii)	5.946.000.000	-	-	5.946.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	141.686.660.000	-	(141.686.660.000)	-
Số cuối năm	1.505.960.320.000	331.216.950.400	223.871.694.385	2.061.048.964.785

(i) Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2022/NQ ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022.

(ii) Công ty đã thực hiện tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2022/NQ ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Samsung SDS Asia Pacific Pte.Ltd	45.001.677	45.001.677	-	32.699.955	32.699.955	-
Công ty TNHH Đầu tư MVI	20.326.631	20.326.631	-	14.770.116	14.770.116	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	15.018.635	15.018.635	-	10.913.120	10.913.120	-
Quý PYN Elite	9.099.560	9.099.560	-	5.562.052	5.562.052	-
Các cổ đông khác	61.149.529	61.149.529	-	45.053.640	45.053.640	-
TỔNG CỘNG	150.596.032	150.596.032	-	108.998.883	108.998.883	-

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	1.089.988.830.000	999.998.660.000
Tăng trong năm (Thuyết minh số 24.1)	415.971.490.000	89.990.170.000
Số cuối năm	1.505.960.320.000	1.089.988.830.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	141.686.660.000	89.990.170.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	141.686.660.000	90.326.196.205
Trong đó:		
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng cổ phần	141.686.660.000	89.990.170.000
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng tiền	185.569.000	336.026.205

24.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	150.596.032	1.505.960.320.000	108.998.883	1.089.988.830.000
Cổ phiếu phổ thông	150.596.032	1.505.960.320.000	108.998.883	1.089.988.830.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	150.596.032	1.505.960.320.000	108.998.883	1.089.988.830.000
Cổ phiếu phổ thông	150.596.032	1.505.960.320.000	108.998.883	1.089.988.830.000
Cổ phiếu đang lưu hành	150.596.032	1.505.960.320.000	108.998.883	1.089.988.830.000
Cổ phiếu phổ thông	150.596.032	1.505.960.320.000	108.998.883	1.089.988.830.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 31 tháng 3 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.119	3.139

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	221.855.552.594	129.948.082.972
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	218.919.423.562	120.404.893.688
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.936.129.032	9.543.189.284
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	221.855.552.594	129.948.082.972
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên thứ ba	36.024.167.429	46.125.134.011
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	185.831.385.165	83.822.948.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	172.853.516.468	94.357.878.947
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.652.832.573	54.098.564.732
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng cổ phần	42.057.719.550	75.685.504.802
TỔNG CỘNG	<u>251.564.068.591</u>	<u>224.141.948.481</u>

27. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	95.404.272.718	59.965.327.276
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.279.554.141	8.968.230.963
TỔNG CỘNG	<u>96.683.826.859</u>	<u>68.933.558.239</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	39.324.089.771	20.028.628.378
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	56.140.884.374	28.664.091.981
Chi phí khác	-	14.972.256
TỔNG CỘNG	<u>95.464.974.145</u>	<u>48.707.692.615</u>

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí vật liệu	120.172.926	321.970.582
Chi phí nhân viên	39.090.289.605	32.232.434.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.000.780.464	1.557.119.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.344.957.137	29.357.834.089
Các chi phí khác	6.884.229.553	5.837.768.600
TỔNG CỘNG	<u>63.440.429.685</u>	<u>69.307.126.771</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	120.172.926	321.970.582
Chi phí nhân công	39.112.280.324	32.232.434.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.153.236.143	72.325.725.947
Chi phí khấu hao và hao mòn	40.616.086.791	10.772.807.219
Chi phí khác	18.280.853.022	22.670.242.690
TỔNG CỘNG	<u>160.282.629.206</u>	<u>138.323.180.574</u>

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	875.884.681	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	144.990.850	(57.996.340)
TỔNG CỘNG	<u>1.020.875.531</u>	<u>(57.996.340)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	219.288.831.970	167.766.355.507
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	43.857.766.394	33.553.271.101
Các điều chỉnh tăng/(giảm)		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng thuế:</i>		
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	87.360.000	87.360.000
Các khoản điều chỉnh khác	57.996.341	57.996.341
<i>Các khoản điều chỉnh giảm thuế:</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(34.570.703.294)	(18.871.575.789)
Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần không chịu thuế	(8.411.543.910)	(15.137.100.960)
Tài sản thuế TNDN chưa được ghi nhận liên quan đến lỗ tính thuế	-	310.049.308
Chi phí thuế TNDN	1.020.875.531	-

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	1.560.253.455	1.415.262.605		
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng			144.990.850	(57.996.340)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và có giao dịch trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Công ty con
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con
Công ty Cổ phần CMC Japan	Công ty con
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH CMC Education	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC	Công ty con
Trường Đại học CMC	Công ty con
Công ty Cổ Phần NetNam	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT.
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Quản trị
Ông Nguyễn Minh Đức	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Tài chính
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Danh Lâm	Thành viên HĐQT
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT
Ông Lee Jay Seok	Thành viên HĐQT
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 9 tháng 8 năm 2022
Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 23 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban Kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.431.201.916	11.056.039.450
		Mua dịch vụ	735.629.764	12.558.261.338
		Góp vốn bằng tiền mặt và bù trừ công nợ	40.000.000.000	70.000.000.000
		Lợi nhuận được chia	14.600.000.000	13.610.646.904
		Giảm trừ lợi nhuận đã được chia năm 2021	6.620.712.077	-
		Thu hồi khoản vay ngắn hạn	-	40.000.000.000
		Phải thu lãi cho vay	-	268.493.151
		Chuyển nhượng cổ phần	99.075.900.000	136.867.370.000
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	136.867.370.000	-
		Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ
Mua dịch vụ	1.820.163.865			2.159.448.126
Góp vốn bằng tiền mặt và bù trừ công nợ	160.861.259.550			-
Đặt cọc thuê văn phòng	16.412.012.266			-
Cổ tức được chia bằng cổ phiếu	-			95.025.471.708
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.598.399.676	2.327.590.910
		Mua dịch vụ	1.630.105.616	2.227.565.753
		Cho vay ngắn hạn	12.100.000.000	-
		Thu hồi khoản cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay	435.769.863	146.301.370
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.404.975.475	1.963.496.926
		Mua dịch vụ	3.530.000.000	5.310.250.000
		Thanh lý tài sản	-	7.815.943.747
		Cho vay ngắn hạn	11.250.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay	385.528.766	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	12.257.000.000	20.929.606.851
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.489.166.302	-
		Phải thu lãi cho vay	1.394.822.021	2.029.844.862
		Lợi nhuận được chia	-	17.906.638.110
		Mua dịch vụ, hàng hóa	6.618.610.455	32.369.223.528
		Thu hồi gốc vay	-	10.929.606.851
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.954.919.369	15.432.421.488
		Góp vốn bằng bù trừ công nợ	40.000.000.000	-
		Mua dịch vụ	439.320.000	-
		Đặt cọc thuê văn phòng	2.279.200.770	-
		Lợi nhuận được chia	147.195.323.545	46.384.512.832
		Lãi vay phải trả	-	104.041.096
		Trả nợ gốc vay	-	25.000.000.000
		Cổ tức được chia	17.484.515.000	16.456.080.600
Công ty Cổ phần NetNam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	17.484.515.000	16.456.080.600
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.980.000	87.397.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.936.129.032	1.110.000.000
		Trả gốc vay	5.373.590.000	3.000.000.000
		Lãi vay phải trả	2.888.358.418	2.972.054.795
Công ty TNHH CMC Education	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	746.368.227	-
		Phải thu lãi cho vay	241.643.835	-
		Góp vốn bằng tiền mặt và bù trừ công nợ	37.619.995.108	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Công ty con	Giảm khoản đầu tư do giải thể	100.000.000.000	-
		Giảm dự phòng đầu tư do giải thể	(54.918.549.602)	-
		Tạm hoàn trả vốn góp	45.081.450.398	-
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.340.462.480	1.456.878.060
		Mua dịch vụ	98.239.257	4.355.318.679
		Thu hồi khoản cho vay ngắn hạn	-	54.200.000.000
		Cho vay ngắn hạn	-	50.000.000.000
		Trả vay ngắn hạn	-	14.600.000.000
		Vay ngắn hạn	-	14.600.000.000
		Phải thu lãi cho vay	-	551.298.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay ngắn hạn và đi vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty đã trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị là 6.250.054.278 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 3 năm 2022: 6.250.054.278 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	4.993.513.980	1.900.493.423
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	-	167.822.223
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	2.136.624.352	9.298.849.848
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	423.335.514	1.098.903.378
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	3.394.808.284	553.075.710
Trường Đại học CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	32.656.832	-
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	5.020.541.935	-
TỔNG CỘNG			<u>16.001.480.897</u>	<u>13.019.144.582</u>
<i>Phải thu dài hạn của khách hàng</i>				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu chuyển nhượng cổ phần (**)	99.075.900.000	136.867.370.000
TỔNG CỘNG			<u>99.075.900.000</u>	<u>136.867.370.000</u>
(**) Đây là khoản phải thu liên quan đến giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC cho Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC với thời hạn thanh toán là ngày 30 tháng 6 năm 2024.				
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i>				
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	-	1.516.125.192
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	-	7.358.984.839
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	-	3.003.474.548
TỔNG CỘNG			<u>-</u>	<u>11.878.584.579</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu về cho vay	15.519.000.000	27.776.000.000
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu về cho vay	11.250.000.000	-
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Công ty con	Phải thu về cho vay	7.100.000.000	5.000.000.000
TỔNG CỘNG			33.869.000.000	32.776.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ Phải thu lãi cho vay	14.600.000.000 2.773.915.306 -	31.517.285.009 3.224.335.377 268.493.151
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	- 369.744.275	43.540.107.000 24.514.412
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con	Phải thu chi hộ Phải thu lãi cho vay	6.250.054.278 -	6.250.054.278 2.557.555.561
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Phải thu khác	2.349.535.800	-
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ Phải thu lãi cho vay	1.480.000.000 71.211.911 559.057.534	1.480.000.000 132.181.045 123.287.671
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	147.001.003.545	46.384.512.832
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu chi hộ	748.970.000	473.970.000
Các đối tượng khác	Công ty con	Phải thu khác Phải thu chi hộ	- 79.474.840	1.831.500.000 429.443.600
TỔNG CỘNG			176.282.967.489	138.237.239.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	4.235.000.000	14.886.143.571
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	2.403.950.209	3.026.314.278
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Mua dịch vụ	21.404.829.791	21.759.328.791
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	495.693	9.218.000
TỔNG CỘNG			28.044.275.693	39.681.004.640
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Công ty con	Phải trả khác	-	45.081.450.398
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải trả khác	5.860.413.213	2.972.054.795
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải trả khác	17.000.000	-
Các cá nhân liên quan khác	Công ty con	Phải trả khác	-	445.307.000
TỔNG CỘNG			5.877.413.213	48.498.812.193
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Nhận ký quỹ, ký cược	16.412.012.266	-
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Nhận ký quỹ, ký cược	2.279.200.770	-
TỔNG CỘNG			18.691.213.036	-
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 21)				
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng (*)	Công ty con	Vay ngắn hạn	91.626.410.000	97.000.000.000
TỔNG CỘNG			91.626.410.000	97.000.000.000

(*) Đây là khoản vay tín chấp, có kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 26 tháng 3 năm 2024 và chịu lãi suất là 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Điều hành và Ban Kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Phước Hải	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn Thành viên HĐQT	435.800.000	418.920.000
	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Quản trị	223.200.000	359.280.000
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Tài chính	1.101.000.000	1.203.000.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	79.200.000	71.280.000
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	79.200.000	71.280.000
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT	79.200.000	71.280.000
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	79.200.000	71.280.000
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT	79.200.000	71.280.000
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT	79.200.000	63.360.000
Ông Lee Jay Seok	Thành viên HĐQT	79.200.000	47.520.000
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám Đốc	865.000.000	840.000.000
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 9 tháng 8 năm 2022	66.400.000	-
Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 23 tháng 6 năm 2022	33.200.000	89.640.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhưng	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	54.000.000
Ông Jeong Sam Yong	Thành viên HĐQT	-	23.760.000
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn đến ngày 1 tháng 6 năm 2021	-	137.500.000
Ông Lương Tuấn Thành	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Công nghệ	-	85.500.000
TỔNG CỘNG		3.399.000.000	3.738.880.000

(*) bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Lĩnh vực cho thuê văn phòng</i>	<i>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	218.919.423.562	2.936.129.032	221.855.552.594
Tổng doanh thu	218.919.423.562	2.936.129.032	221.855.552.594
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	123.515.150.844	1.656.574.891	125.171.725.735
Chi phí bán hàng	(158.372.662)	-	(158.372.662)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)			94.275.478.897
Lợi nhuận thuần trước thuế			219.288.831.970
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(875.884.681)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(144.990.850)
Lợi nhuận thuần sau thuế			218.267.956.439
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	504.983.960.211	80.165.135	505.064.125.346
Tài sản không phân bổ (ii)			2.304.652.308.366
Tổng tài sản			2.809.716.433.712
Nợ phải trả bộ phận	5.243.942.758	-	5.243.942.758
Nợ phải trả không phân bổ (iii)			743.899.916.169
Tổng nợ phải trả			748.667.468.927
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	120.404.893.688	9.543.189.284	129.948.082.972
Tổng doanh thu	120.404.893.688	9.543.189.284	129.948.082.972
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	60.439.566.412	574.958.321	61.014.524.733
Chi phí bán hàng	(82.495.564)		(82.495.564)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)			106.834.326.338
Lợi nhuận thuần trước thuế			167.766.355.507
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			57.996.340
Lợi nhuận thuần sau thuế			167.824.351.847
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	202.242.173.918	13.198.462.392	215.440.636.310
Tài sản không phân bổ (ii)			2.484.154.870.894
Tổng tài sản			2.699.595.507.204
Nợ phải trả bộ phận	5.498.699.705	39.681.004.640	45.179.704.345
Nợ phải trả không phân bổ (iii)			787.898.292.132
Tổng nợ phải trả			833.077.996.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

- (i) Thu nhập, chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí thuế TNDN;
- (ii) Ngoại trừ khoản mục phải thu khách hàng và tài sản cố định hữu hình được phân bổ theo từng bộ phận, các tài sản còn lại là tài sản không được phân bổ;
- (iii) Nợ phải trả không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục chi phí phải trả, phải trả người lao động, phải trả khác, thuế, vay và nợ thuê tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 45,6 tỷ VND liên quan đến việc xây dựng Dự án “Không gian sáng tạo CMC”.

Cam kết góp vốn

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty có cam kết góp vốn vào Công ty TNHH CMC Education với số tiền là 36,1 tỷ VND.

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm (*)</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	143.765.979.317	69.197.917.217
Từ 1 năm - 5 năm	310.805.670.279	35.367.609.315
Trên 5 năm	<u>138.356.136.438</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>592.927.786.034</u>	<u>104.565.526.532</u>

(*) Số dư cam kết cho thuê hoạt động tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 bao gồm các khoản cam kết từ các bên liên quan với tổng số tiền vào khoản 523 tỷ VND.

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	1.052.595.000	1.052.595.000
Từ 1 năm – 5 năm	4.210.380.000	4.210.380.000
Trên 5 năm	<u>29.067.549.424</u>	<u>30.120.721.505</u>
TỔNG CỘNG	<u>34.330.524.424</u>	<u>35.383.696.505</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM


Theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 6 năm 2023 của Hội Đồng Quản trị, Công ty đã thông qua việc sáp nhập 2 đơn vị thành viên là Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn (công ty bị sáp nhập) và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC (công ty nhận sáp nhập). Sau khi sáp nhập, Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn sẽ trở thành chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC sẽ kế thừa toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp từ Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn.

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 3 năm 2023 của Hội Đồng Quản trị, Công ty đã thông qua việc thành lập Công ty TNHH CMC Investment. Công ty TNHH CMC Investment có trụ sở tại CMC Tower, số 11 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội với ngành nghề kinh doanh là "Đầu tư khởi nghiệp sáng tạo" và "Thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo".

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương


Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn


Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Nguyễn Trung Chính



Ngày 29 tháng 6 năm 2023

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2023 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn